

Số: 45 /GPMT-UBND

Đắk Nông, ngày 23 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 06/GPMT-SEJIN ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH SEJIN F&S VINA về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị phê duyệt báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án đầu tư Nhà máy chế biến khoai lang cắt lát đông lạnh tại Lô CN 11 Khu công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 212/TTr-STNMT ngày 04 tháng 11 năm 2024; Công văn số 3270/STNMT-CCBVM ngày 02/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH SEJIN F&S VINA, địa chỉ: tại Lô CN 11, Khu công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường Dự án đầu tư Nhà máy chế biến khoai lang cắt lát đông lạnh tại Lô CN 11, Khu công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến khoai lang cắt lát đông lạnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại Lô CN 11, Khu công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 4348062433 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp lần đầu ngày 11/3/2024.

1.4. Mã số thuế: 608-81-93317.

1.5. Người đại diện theo pháp luật của dự án: Ông JUN YUNGMOO, sinh ngày 21/5/1955, Quốc tịch: Hàn Quốc, Hộ chiếu số: M39401803 cấp ngày 30/3/2021 do Bộ Ngoại giao Hàn Quốc cấp.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Chế biến khoai lang cắt lát và ớt xanh đông lạnh.

1.7. Phạm vi, quy mô của Dự án:

- Phạm vi: tại Lô CN 11, Khu công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Quy mô: Tổng diện tích đất sử dụng của Dự án là 20.990 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 8.000 m²;

+ Diện tích các công trình phụ trợ: 1.948,78 m²;

+ Diện tích công trình bảo vệ môi trường: 414,6 m²;

+ Diện tích sân, đường nội bộ: 5.626,62 m²;

+ Diện tích đất trồng cây xanh: 5.000 m².

Công suất của dự án gồm: Khoai lang cắt lát đông lạnh: 2.000 tấn sản phẩm/năm và ớt xanh: 480 tấn sản phẩm/năm.

Là dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH SEJIN F&S VINA:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay hoạt động sản xuất để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nêu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Công an tỉnh;
- Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- UBND huyện Cư Jút;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công ty TNHH SEJIN F&S VINA;
- Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, NNTNMT(Ha).

4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **45** /GPMT-UBND
ngày **23** tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân làm việc trong nhà máy.
- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân làm việc tại nhà máy khoảng 16,8 m³/ngày, được thu gom xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn và thu gom về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

- Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 380 m³/ngày (24 giờ) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy với công suất xử lý là 500 m³/ngày và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tâm Thắng.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý đầu nối vào hố ga T2h tuyến ống thu gom nước thải trên đường D1 của Khu công nghiệp Tâm Thắng.

- Tọa độ vị trí đầu nối nước thải, tọa độ: X = 1.393.970; Y = 436.846 (tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 180°30', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 396,8 m³/ngày tương đương 16,53 m³/h.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải của nhà máy sau khi qua hệ thống xử lý tự chảy theo đường ống PVC D300 mm, dài 10 m (độ dốc 0,3%) vào hố ga T2h của Khu công nghiệp Tâm Thắng.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về thỏa thuận đầu nối với Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng và quy chế bảo vệ môi trường khu công nghiệp Tâm Thắng tại Quyết định số 06/QĐ-CTY ngày 06/01/2023, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
01	Nhiệt độ	0C	45
02	Độ màu	Pt-Co	200
03	pH	--	5-9
04	TSS	mg/l	300
05	BOD ₅	mg/l	600
06	COD	mg/l	1000
07	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
08	Tổng nitơ	mg/l	40
09	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	10
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	20
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	10.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

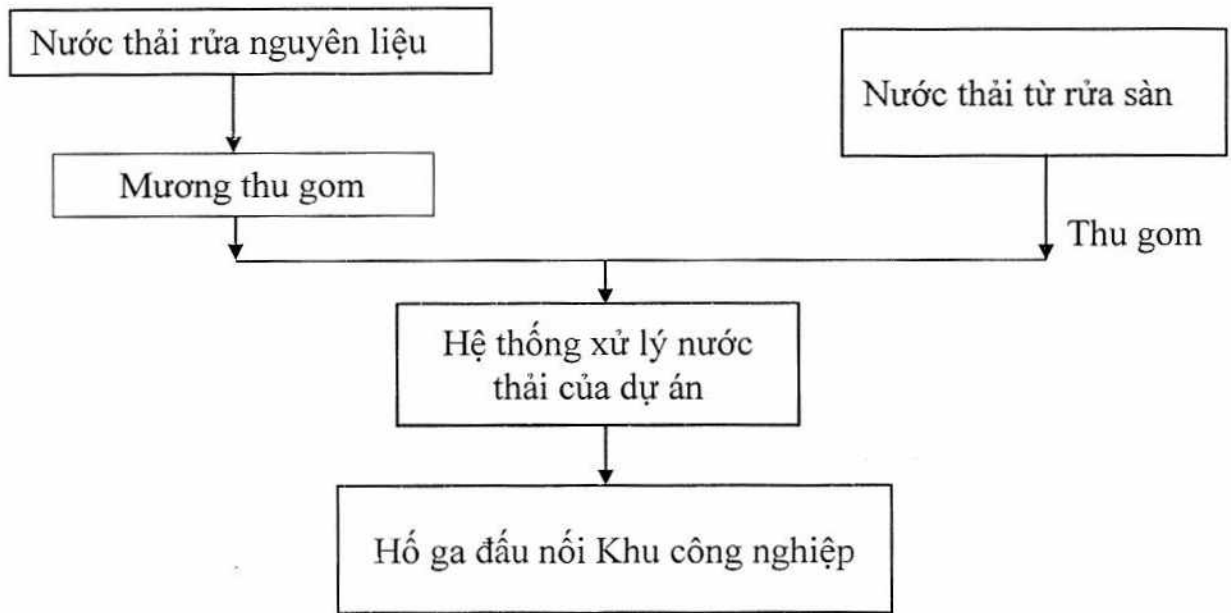
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà ở công nhân được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về khu xử lý nước thải của nhà máy.

- Hệ thống thu gom nước thải sản xuất

+ Nước thải phát sinh từ quá trình rửa khoai lang, ớt xanh, vệ sinh thiết bị và nhà xưởng sẽ được thu bằng đường ống nhựa PVC D90 mm, chiều dài khoảng 240m dẫn về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy công suất 500 m³/ngày.

Sơ đồ thu gom nước thải sản xuất của nhà máy như sau:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày của nhà máy như sau:

Toàn bộ nước thải của dự án → Bể tiếp nhận → Thiết bị tách rác → Bể điều hòa → Thiết bị tuyển nổi → Bể kỵ khí → Bể anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp.

Hạng mục công trình xây dựng

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1.	Mương thu gom (T01-A) - Kích thước: DxRxC=2000x1000x1500mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
2.	Bể thu gom (T01-B) - Kích thước: DxRxC=6500x2700x2500mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
3.	Bể điều hòa (T02) - Kích thước: DxRxC=8900x3100x6500mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
4.	Bể UASB(T03-A) DxRxC=5500x3200x6500mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
5.	Bể UASB(T03-B) DxRxC=9700x6500x6500mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
6.	Bể Anoxic (T04) - Kích thước: DxRxC=6600x5100x4500mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
7.	Bể Aerotank (T05-A) - Kích thước: DxRxC=6600x4400x4500mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
8.	Bể Aerotank (T05-B) - Kích thước: DxRxC=6600x6400x4500mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
9.	Bể lắng sinh học (T06-A) - Kích thước: DxRxC=5200x5200x4500mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
10.	Ngăn thu bùn (T06-B) - Kích thước: DxRxC=1200x1000x4500mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
11.	Bể khử trùng (T07) - Kích thước: DxRxC=4000x1200x3000mm - Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm	Việt Nam	cái	1
12.	Bể nén bùn (T08) - Kích thước: DxRxC=3200x3200x6500mm	Việt Nam	cái	1

STT	HẠNG MỤC	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	- Vật liệu: Bê tông cốt thép, quét Flinkote chống thấm			
13.	Nhà điều hành - Kích thước: DxR =6000x2500 mm - Vật liệu: + Tường xây gạch ống tô 02 mặt dày 100mm, + Sơn phủ Dulux + Mái lợp tole Hoa Sen đóng trần thạch cao Vĩnh Tường	Việt Nam	cái	1
14.	Nhà đặt máy ép bùn - Kiểu: nhà tiền chế - Kích thước: DxR =6000x3000 mm - Vật liệu: + Mái + vách: Tole màu dày 4dem + Xà gỗ + cột: Thép mạ kẽm	Việt Nam	cái	1
15.	Sàn thao tác - Vật liệu: Bê tông cốt thép	Việt Nam	cái	1
16.	Lan can bảo vệ - Vật liệu: Ống SUS304 D34, dày 2mm	Việt Nam	hệ	1
17.	Nắp thăm - Kích thước: 800x800mm - Vật liệu: SUS304	Việt Nam	cái	3
18.	Đào đất và gia cố hồ móng HTXLNT - Công việc thực hiện: + Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ ; + Vận chuyển đất; + Đóng cừ tràm; + Đóng cọc, gia cố hồ móng HTXLNT;	Việt Nam	hệ	1

Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải:

STT	Tên hóa chất	Khối lượng (kg/ngày)
1	NaOH	50
2	PAC	25
3	Polymer anion	5
4	Nutrient	6
5	Chlorine	1,5

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, thoát nước thải đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước thải về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy. Bảo đảm hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao.

- Bố trí công nhân vận hành theo đúng hướng dẫn của đơn vị thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

- Vận hành đúng thông số kỹ thuật và thường xuyên giám sát nước thải theo đúng quy định để có cơ sở theo dõi chất lượng nước thải đầu ra, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt theo thỏa thuận đầu nối với Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Tâm Thắng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát nước; hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng các chất bẩn.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp Tâm Thắng thì phải dừng ngay hoạt động sản xuất để thực hiện các biện pháp khắc phục, sau khi khắc phục hệ thống xử lý nước thải mới bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục quá trình xử lý, bảo đảm theo nội dung được cấp phép lại Phần A phụ lục này.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 6 tháng kể từ ngày hoàn thành xây dựng và lắp đặt các công trình của dự án.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải của dự án công suất 500 m³/ngày.

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí: Vị trí nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (theo cam kết của chủ đầu tư), cụ thể như sau: Cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Ghi chú: Trong trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.



3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Tâm Thắng.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải được xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải của Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Tâm Thắng và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tâm Thắng để tiếp tục xử lý./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **45** /GPMT-UBND
ngày **23** tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu; nhập, xuất nguyên liệu và sản phẩm.

- Nguồn số 2: Khí thải từ lò hơi nước phục vụ cho quá trình hấp khoai trong quy trình sản xuất khoai lang đông lạnh.

- Nguồn số 3: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

Nguồn số 1: Phát sinh trong khu vực Dự án, không có nguồn điểm phát thải cụ thể và không có công trình xử lý khí thải.

Nguồn số 2: Lò hơi nước sử dụng khí gas LPG có hệ thống chống cháy ngược và hệ thống van an toàn, khí thải của lò hơi được thu gom bằng hệ thống đường ống thu khí và thải ra môi trường qua ống khói.

Nguồn số 3: Phát sinh không thường xuyên và không có công trình xử lý khí thải, khí thải từ máy phát điện sẽ được thu gom và thải ra môi trường qua ống khói có đường kính D200, chiều cao 5m.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, lò hơi nước, quạt hút và thiết bị đốt khí gas để tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Sử dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí tại các khu vực phát sinh khí thải tại mục 1.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát bụi, khí thải phát sinh theo quy định hiện hành để không ảnh hưởng đến môi trường không khí bên trong và xung quanh khu vực dự án./.



Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 45 /GPMT-UBND
ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Hoạt động của lò hơi.
- Nguồn số 02: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng công suất 500kVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}45'$, múi chiều 3° như sau:

- Nguồn số 1: Tọa độ đại diện X = 1.393.965; Y = 436.853.
- Nguồn số 2: Tọa độ đại diện X = 1.393.971; Y = 436.856.
- Nguồn số 3: Tọa độ đại diện X = 1.393.969; Y = 436.855.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, mũ, khẩu trang.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: (không).

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát tiếng ồn, độ rung để không gây ảnh hưởng đến công nhân trong khu vực cơ sở và người dân gần khu vực dự án./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **45** /GPMT-UBND
ngày **23** tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	12	NH
2	Giẻ lau, vải bảo vệ dính dầu nhớt	18 02 01	Rắn	600	KS
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	550	NH
4	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	50	NH
Tổng cộng				1.212	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Chủng loại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái	Khối lượng chất thải (kg/năm)
01	Vỏ, lá, vụn khoai, củồng ớt, hạt ớt	14 04 03	TT-R	Rắn	2.000
02	Bùn cặn từ hoạt động sơ chế, làm sạch và xử lý nước thải	14 04 01	TT	Bùn	936
03	Thùng carton, tem nhãn	18 01 05	TT-R	Rắn	2.184
04	Giấy văn phòng	18 01 05	TT-R	Rắn	312
05	Bao bì nhựa thải	18 01 06	TT-R	Rắn	936
06	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong	08 02 08	TT	Rắn	3,6

	nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải				
TỔNG CỘNG					6.371,6

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: rác thải sinh hoạt như: Vỏ lon, chai nhựa, bì giấy, bao bì, thức ăn thừa,...

- Khối lượng phát sinh: Khoảng 168 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 160 lít, có dán nhãn.

- Kho lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho chứa chất thải nguy hại phải xây dựng theo TCVN 4317:1986 - Nhà kho - Nguyên tắc cơ bản thiết kế và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sàn trong khu vực lưu trữ chất thải nguy hại được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm; có mái che nắng mưa, phân chia ô hoặc thùng chứa riêng đối với từng loại chất thải nguy hại; lắp đặt các biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng nhựa.

- Kho lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 30 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Tường xây gạch chỉ đặc dày 220, vữa xi măng M50, mái lợp tôn dày 4,2zem, nền bê tông, có cửa ra vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thực hiện phân loại rác sinh hoạt tại nguồn theo Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 16/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị đầy đủ các thùng chứa đảm bảo công tác phân loại rác tại nguồn. Thùng chứa rác sinh hoạt bằng nhựa dung tích 10 lít - 20 lít có nắp đậy, dán nhãn, màu sắc riêng biệt; và thùng rác bằng nhựa dung tích 10 lít - 100 lít, loại thùng có nắp đậy để thu gom tập trung toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh trong khu vực dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại (nếu có):

Không tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn chôn nuôi thông thường: Chất thải rắn công nghiệp thông thường (như: vỏ, lá, vụn khoai, cuống ớt, hạt ớt) thu gom vào các bao chứa 50 kg tập trung tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 30m² và hợp đồng với đơn vị có nhu cầu sử dụng hoặc ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình vận hành dự án, sự cố trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 45/GPMT-UBND
ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.



8. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi Giấy phép.

9. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả theo quy định; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.

